

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12-6-2020

V/v Ly hôn giữa chị Đ và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Tùng;

Ông Nguyễn Ngọc Phán.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Xóm NG, xã HĐ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Xóm NG, xã HĐ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(chị Đ, anh T xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Ngọc T đăng ký kết hôn ngày 09-10-2012 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị Đ và anh T vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2015 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau do bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 9 năm 2019 hai người sống ly thân cho đến nay. Do hai người sống ly thân đã lâu nhưng cả hai người đều không có

biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ, tiếp tục chung sống nên chị Đ làm đơn xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Do vợ chồng không có tài sản, không vay nợ chung nên chị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, anh T trình bày: Anh T và chị Đ có quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân như chị Đ đã trình bày. Thời điểm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là từ năm 2017. Nay chị Đ làm đơn xin ly hôn, anh T không nhất trí vì hai vợ chồng vẫn còn chung sống được với nhau và vì anh T và chị Đ theo đạo Công giáo, không được ly hôn nên anh T đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản, không vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Ngọc T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị Đ và anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định ngày 09-10-2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và trong sinh hoạt hằng ngày. Từ tháng 9 năm 2019, do không thể chung sống được với anh T nên chị Đ đã sống ly thân. Đến nay, chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên xin được ly hôn anh T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ với anh Nguyễn Ngọc T, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình chung sống giữa chị Đ và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, chị Đ và anh T đã sống ly thân. Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh T công nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhưng vì anh T theo đạo Công giáo, không được ly hôn nên anh T không nhất trí ly hôn và đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Toà án đã tiến hành hoà giải cũng như đề thời gian cho anh T có thời gian, biện pháp để về đoàn tụ với chị Đ nhưng đến nay chị Đ và anh T vẫn sống ly thân; chị Đ vẫn giữ ý kiến xin ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung và công nợ của vợ chồng: Chị Đ và anh T đều xác nhận vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản chung cũng như không cho ai vay hoặc vay mượn ai tài sản gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002081 ngày 05-5-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã HD: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái